

GIÁ TRỊ TẠO HÌNH TRONG NGÔN NGỮ THƠ VÀ TRONG PHƯƠNG THỨC SO SÁNH TU TỪ

Nhận bài:

16 – 09 – 2018

Chấp nhận đăng:

25 – 12 – 2018

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Trịnh Quỳnh Đông Nghi

Tóm tắt: Ngôn ngữ thơ giàu giá trị tạo hình, điều đó đã được khẳng định từ lâu trong phong cách học, lí luận văn học. Cụm từ *giá trị tạo hình* được nhiều nhà phê bình thơ nhắc đến trong quá trình bình giá. Bài viết này phân tích giá trị tạo hình trong ngôn ngữ thơ nói chung và trong phương thức so sánh tu từ nói riêng từ góc nhìn tương liên với nghệ thuật tạo hình. Thông qua việc giải mã cơ chế nảy sinh và tầm tác động của phương thức so sánh tu từ, bài báo góp phần kiến giải giá trị tạo hình của ngôn ngữ thơ dưới góc độ ngôn ngữ học.

Từ khóa: ngôn ngữ thơ; giá trị tạo hình; liên tưởng; cơ chế; so sánh tu từ.

1. Đặt vấn đề

Văn học tư duy bằng hình tượng. Hình tượng, hình ảnh mang hơi thở của sự sống, từ cuộc sống thực tại phản ánh vào tác phẩm qua lăng kính chủ quan của tác giả. Tiếp xúc với hình tượng nghệ thuật là tiếp xúc với một thế giới đời sống sinh động, có phong cảnh thiên nhiên với cỏ cây hoa lá núi sông, có đồ vật với nhà cửa, đồ vật, có con người với ngoại hình, hành động, cá tính, tư tưởng... Hình tượng có thể giúp chúng ta *thấy* được bằng tưởng tượng, hình dung, còn những hành động, cảm xúc, nỗi niềm thì hình tượng chỉ giúp gợi ra những chiều kích suy tưởng... Vì vậy ngôn từ phải giàu hình ảnh mới có thể tái hiện được cuộc sống tươi nguyên, đa sắc thái, sắc màu, sự kiện, quan hệ... Ngoài ra, tạo hình cũng nối liền sợi dây cảm xúc từ tác giả đến người đọc, sống động hóa những mối quan hệ vô hình; cảm xúc, tình yêu, nỗi nhớ thông qua hình tượng mà phát lộ tự nhiên.

Ngôn ngữ thơ giàu giá trị tạo hình, điều đó đã được khẳng định từ lâu trong phong cách học, lí luận văn học, và đặc biệt là cụm từ *giá trị tạo hình* được nhiều nhà phê bình thơ nhắc đến trong quá trình bình giá. Tuy

nhiên, chúng tôi nhận thấy rằng, các bài viết đó thường mặc nhiên thừa nhận cái gọi là giá trị tạo hình nhiều hơn đi vào giải mã cơ chế nảy sinh và phương thức đề từ ngôn ngữ đời sống trở thành ngôn ngữ có tính tạo hình, đồng thời lí giải vì sao những mơ hồ, trừu tượng trong cảm xúc con người có thể được hình tượng hóa trở nên chân thực, sinh động mà không kém phần kín đáo, tế nhị. Bài viết này lựa chọn một trong những biện pháp tu từ theo quan hệ liên tưởng có khả năng tạo hình hiệu quả trong thơ để phân tích, đánh giá nhằm tiệm cận khái niệm tạo hình trong ngôn ngữ thơ một cách tường minh, khoa học thông qua đó có cái nhìn toàn diện về tính tạo hình của ngôn ngữ thơ dưới góc độ ngôn ngữ học.

2. Nội dung

2.1. Nghệ thuật tạo hình và tính tạo hình trong ngôn ngữ thơ

Nghệ thuật tạo hình đã phản ánh hiện thực thông qua tái hiện các hình thức thấy được của hiện thực. Nhưng hình ảnh gián tiếp không chỉ mang tính vô tri, qua đó còn phải thấy được cái thần khí sống động của hiện thực thì mới là hình tượng hội họa thực sự, hoa đang nở, tuyết đang tan, ngựa đang phi, chim đang bay, con người trầm tư... Tạo hình có khả năng gây được ấn tượng trực tiếp, bởi hình tượng tác động ngay trên thị giác, do phản ánh đời sống qua cái hữu hình, qua mặt phẳng, không gian, màu sắc, hình khối.

* Tác giả liên hệ

Trịnh Quỳnh Đông Nghi

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng

Email: tqdonghi@ued.udn.vn

Văn học và nghệ thuật tạo hình cùng sử dụng phương thức mô tả để phản ánh. Trong thơ, vì cảm xúc vô hình, trừu tượng nên nó phải nhờ những điểm tựa hữu hình để tồn tại. Hình tượng trong văn học chính là điểm tựa đó. Tính hình tượng đặc trưng nằm sâu trong bản chất hình tượng sáng tác, là khả năng tái hiện một thế giới sinh động với đầy đủ mọi ấn tượng về không gian, thời gian, nhịp điệu, âm thanh, sắc màu một cách sinh động khiến người đọc có thể dễ dàng hình dung thế giới thực và có những ấn tượng khó quên. Chẳng hạn chính sự chi phối cao với xa đã tạo ra rộng mở hướng không gian tạo nên một *mùa xuân chín* với sức gợi tả đầy say đắm, vừa mang tính tĩnh, bất được khoanh khắc giá trị, vừa như kể, lại vừa như phô bày trước mắt người đọc những rung cảm dù nhỏ nhất nhưng gợi cảm và giàu dư ba:

*Trong làn nắng ửng khói mơ tan,
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng,
Sột sọat gió treu tà áo biếc,
Trên giàn thiên lí bóng xuân sang”.*

(Hàn Mặc Tử, *Mùa xuân chín*)

Tính hình tượng có thể bắt nguồn từ chủ thể thẩm mỹ có tầm khái quát nhất định. Không có tạo hình thì không có hình tượng, bởi bản chất hình tượng là một hiện tượng tinh thần nên nó phải mượn hình hài cụ thể để xuất hiện và tồn tại. Theo Trần Đình Sử: “Biện pháp nghệ thuật của văn bản văn học là các cách thức vận dụng ngôn từ để xây dựng hình tượng nghệ thuật, thể hiện quan niệm về đời sống” [7, tr.72].

Trên bình diện lí luận văn học, khái niệm hình tượng được quan tâm nghiên cứu từ rất sớm với những cách tiếp cận khác nhau. Mỗi một nhà nghiên cứu trong tác phẩm của mình đều có cách lí giải khác nhau về quan niệm hình tượng nghệ thuật. Có khái niệm nhấn mạnh tính chất tái tạo của khách thể đời sống thông qua lăng kính chủ quan của nhà văn, cũng có định nghĩa tập trung vào mối quan hệ và tính thống nhất biện chứng giữa các yếu tố bên trong hình tượng. Mỗi quan niệm xuất phát từ cách tiếp cận và luận giải vấn đề khác nhau tuy nhiên hầu như đều tựu trung ở việc xem hình tượng văn học là phương tiện đặc thù phản ánh hiện thực khách quan đa dạng của đời sống của văn học nghệ thuật.

Qua việc nhìn nhận tổng quan về hình tượng từ góc độ của các nhà lí luận văn học, phong cách học và mối quan hệ với tín hiệu thẩm mỹ trong ngôn ngữ thơ, chúng

tôi xây dựng cho mình cách hiểu về hình tượng để làm cơ sở thực hiện bài viết này: Hình tượng là một hình ảnh cụ thể được dùng để khái quát cho một nội dung trừu tượng nào đó vừa liên quan mật thiết theo quan hệ liên tưởng, vừa tồn tại độc lập với hình ảnh dùng làm hình tượng. Hình tượng trong văn học bao giờ cũng ẩn chứa những quan điểm thẩm mỹ, những giá trị tư tưởng của người sáng tạo. Ở bài viết này, chúng tôi đặt hình tượng trong mối quan hệ chặt chẽ với các loại hình nghệ thuật tạo hình kết hợp với các quan điểm khoa học đã được nhìn nhận trong giới nghiên cứu về hình tượng văn học (như đã tổng lược ở trên). Quá trình khảo sát và nghiên cứu cho thấy, hình tượng có thể được phân thành hai loại cơ bản theo tiêu chí là phương thức biểu hiện:

- Hình tượng chân thực: những hình tượng này được biểu hiện trực tiếp trên bề mặt câu chữ, nó được tái hiện từ những hiện tượng có thật qua sự tái hiện có chọn lọc, sáng tạo thông qua trí tưởng tượng và tài năng của nghệ sĩ. Với đặc trưng đặc biệt về thể loại, hầu như bài thơ nào cũng xuất hiện hình tượng chân thực. Đó là con người, cảnh vật, cảm xúc... Những hình tượng này không đòi hỏi chúng ta vận dụng, liên tưởng mà thường xuất hiện một cách trực tiếp, không đánh đố khả năng tưởng tượng, liên tưởng của người đọc. Thơ Lưu Quang Vũ không ít lần xuất hiện những dạng thức hình tượng như thế:

Từ hữu hình ví với hữu hình:

Nụ cười cha ấm như ngọn lửa

(Lưu Quang Vũ, *Buổi chiều ấy*)

Nhà chật như khoang thuyền hẹp nhỏ giữa sông

(Lưu Quang Vũ, *Nhà chật*)

Đền vô hình với hữu hình:

Ai thuở trước nói lời yêu thứ nhất

Còn thô sơ như mảnh đá thay rìu

(Lưu Quang Vũ, *Tiếng Việt*)

Tác giả xây dựng hình tượng một cách giản dị nhưng giàu khả năng gợi tả. Hình tượng hiện lên một cách tự nhiên, sinh động. Người đọc vì thế cũng có thể cảm nhận, lí giải từ những hình ảnh được tác giả gợi dẫn.

- Hình tượng biểu trưng: hình tượng biểu trưng tức là những hình tượng không biểu hiện trực tiếp trên bề mặt câu chữ, ngôn ngữ văn bản là A nhưng nội dung hình tượng lại là B. Hình tượng được xây dựng một

cách gián tiếp đòi hỏi để hiểu giá trị biểu trưng của hình tượng, người đọc phải trải qua quá trình tư duy trừu tượng. Những giá trị biểu đạt của hình tượng biểu trưng tiềm ẩn và sâu sắc, thường được xác lập dựa trên mối quan hệ liên tưởng, suy ý và biểu trưng. Wallace L. Chefe từng xem ngôn ngữ hình tượng như kênh truyền tư tưởng từ người này sang người khác: “ngôn ngữ làm cái cầu bắc qua vực sâu ấy, biến tư tưởng thành vật chất có khả năng chuyển từ hệ thống thần kinh này sang hệ thống thần kinh khác”[1, tr.24]. Theo đó, các sự vật, hiện tượng được dẫn giải trong tự nhiên không ngoài mục đích biểu trưng cho những ý niệm mang tính phổ quát. Hay nói cách khác đó là quá trình lựa chọn, tìm lại những đứt gãy, những kết nối hình thái đời sống trong và ngoài văn bản, nhằm đưa những thứ vốn dĩ tương đồng trở lại sánh đôi và gọi tả để thông qua chúng có thể làm cho những ý tưởng vô hình, tạo nên tư tưởng, trở thành rõ ràng đối với người đọc.

Nhà thơ của suy tưởng Chế Lan Viên là tác giả của nhiều những hình tượng giá trị:

Tây Bắc ư? Có riêng gì Tây Bắc

Khi lòng ta đã hóa những con tàu.

Tây Bắc là vùng đất có thực trong bản đồ, là căn cứ cách mạng của nhân dân ta trong mười năm kháng chiến chống Pháp đầy gian khổ mà oai hùng. Nhưng Tây Bắc ở đây không chỉ là căn cứ địa, đó còn là hình tượng tượng trưng cho sức mạnh của nhân dân ta trong kháng chiến và còn cả sự hồi sinh, trỗi dậy của vùng đất địa đầu đầy khó khăn sau những vết thương chiến tranh. Cái biểu hiện đi kèm với các kết hợp từ ngữ của nhà thơ đã chấp cánh cho nội dung biểu hiện vượt ra ngoài những điều vốn có thông thường. Giá trị biểu trưng của câu thơ vì thế trở nên sâu sắc và đầy thuyết phục. Không chỉ *Tây Bắc*, mà ngay cả *con tàu* - hình ảnh xuất hiện với tần số cao trong bài thơ cũng không đơn thuần biểu hiện nghĩa về một phương tiện vận chuyển, chẳng hạn như:

Con tàu này lên Tây Bắc anh đi chăng?

Bạn bè đi xa anh giữ trời Hà Nội

Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi

Ngoài cửa ô tàu đói những vành trăng.

(Chế Lan Viên, *Tiếng hát con tàu*)

Những năm Chế Lan Viên viết *Tiếng hát con tàu* và kể cả cho đến tận bây giờ vẫn chưa có đoàn tàu lên Tây

Bắc. Vậy nên, hình ảnh *con tàu* trong thơ ông hoàn toàn là hình ảnh tưởng tượng. Tưởng tượng mà như thật, lời thơ khiến cho người đọc có cảm giác như có chuyến tàu đang nổ máy sắp sửa khởi hành lên Tây Bắc. Có chuyến tàu, nhưng không phải tàu mắt thấy tai nghe mà đó là chuyến tàu của tâm tưởng, có thể đưa nhà thơ về cội nguồn của sáng tạo, mảnh đất đề tài để hết lấp đầy những khoảng trống *đói những vành trăng*. Hình ảnh *con tàu* xuất hiện nhiều lần trong bài thơ, mỗi lần xuất hiện lại mang một màu sắc mới khiến người đọc phải liên tưởng, suy ý thì mới có thể hiểu được giá trị của nó. Rõ ràng phép tu từ liên tưởng làm cho hình ảnh thơ được nhận thức một cách sâu sắc hơn. Và để kiến tạo nên những hình ảnh như vậy, nhà thơ đã sử dụng thuần thực, nhuần nhuyễn các biện pháp tu từ cấu tạo theo quan hệ liên tưởng. Chỉ có liên tưởng, tưởng tượng mới hình thành và định hướng người đọc theo giá trị tượng trưng trong hình tượng một cách tinh tế, khéo léo.

Chúng tôi tạm thời xác định có hai loại hình tượng cơ bản trong tác phẩm thơ như trên. Ở đề tài này, chúng tôi tập trung chủ yếu vào các cách tổ chức ngôn ngữ thơ tạo nên tính hình ảnh, hay nói cách khác là cách xây dựng hình tượng được cấu tạo từ các phép liên tưởng, suy ý, không bao gồm các hình tượng chân thực. Sở dĩ như vậy bởi, khi đặt hình tượng trong mối quan hệ với các bộ môn nghệ thuật tạo hình và đặt trong hệ thống lí luận của các ngành có liên quan chúng tôi nhận thấy tính đa chiều, mơ hồ có giá trị của hình tượng nghệ thuật biểu trưng. Cũng chính vì sự hạn định phạm vi như trên cho nên trong phần tiếp theo của bài báo, hình tượng được chúng tôi mặc định cho cách gọi hình tượng tượng trưng.

Quá trình hình thành hình tượng thực chất là quá trình liên tưởng. Quá trình liên tưởng bao giờ cũng thúc đẩy sự hình thành của các nghĩa bóng, đó là một điều tất yếu. Những nghĩa bóng này được hình thành thông qua các phương thức chuyển nghĩa ẩn dụ hoặc hoán dụ. Phong cách học cũng đã khẳng định: Tượng trưng là phương thức chuyển nghĩa dựa vào những so sánh, ẩn dụ hay hoán dụ. Vì vậy chúng tôi quan niệm rằng hình tượng được xây dựng dựa trên các mối quan hệ liên tưởng mà rõ nét nhất là thông qua so sánh tu từ.

Có thể thấy rằng sự xuất hiện của hình tượng trong ngôn ngữ thơ mang tính thường xuyên. Thơ không thể không có hình tượng, vấn đề chỉ là hình tượng chân

thực hay hình tượng tượng trưng mà thôi. Vậy nên, đề cập đến tính tạo hình trong ngôn ngữ thơ là quá trình chúng tôi nhìn nhận ngôn ngữ thơ từ khía cạnh mang giá trị tạo hình. Thơ là một loại hình ngôn ngữ được tổ chức đặc biệt, thơ là ngôn ngữ đòi thường trải qua quá trình chọn lọc, gọt dũa và cô đúc kĩ lưỡng. Vì lí do đó mà ngôn ngữ của tác phẩm thơ có khả năng chuyển tải nhiều giá trị, đồng thời có thể hàm chứa trong mình nhiều bộ môn nghệ thuật khác mà tạo hình là một ví dụ.

2.2. Phương thức so sánh trong thơ

So sánh là phương thức diễn đạt tu từ đem sự vật này đối chiếu với sự vật khác miễn là giữa hai sự vật có một nét tương đồng nào đó, để gợi ra những hình ảnh cụ thể, những cảm xúc thẩm mĩ trong nhận thức của người đọc, người nghe. Có thể nói, so sánh là một trong những biện pháp tu từ cổ xưa và phổ biến nhất nhưng qua sự tìm tòi, khám phá của mỗi nhà thơ thì biên độ cũng như tính chất của phương thức này không ngừng được sáng tạo để trở nên bất ngờ và lí thú trong liên tưởng. Ví dụ:

Em là bóng cây em là búp lư

Che mát và sưởi ấm lòng anh

(Lư Quang Vũ, *Không đề II*)

So sánh tu từ học khác với so sánh logic ở tính hình tượng, tính biểu cảm và tính dị loại (không đồng loại của sự vật). Chẳng hạn, với so sánh logic $a = b$, tương đương $b = a$. Ví dụ: *Lan cao bằng Hoa cũng tương đương Hoa cao bằng Lan*. Tuy nhiên so sánh trong ngôn ngữ: *Nhà đầy con cũng giỏi như bố* nhưng không nói *Nhà đầy bố cũng giỏi như con*. Hoặc có thể nói: *Thơ Xuân Quỳnh cũng hay như thơ Nguyễn Du* mà không thể nói: *Thơ Nguyễn Du cũng hay như thơ Xuân Quỳnh*. Sở dĩ như vậy bởi lẽ, trong ngôn ngữ, về được so sánh có một tiền giả định đã được khẳng định, không hoàn toàn đồng nhất với cái được so sánh. Tuy không đồng nhất nhưng có sự tương đồng nhất định và sự tồn tại hiển nhiên, quen thuộc của cái được so sánh khiến cho sự mơ hồ, trừu tượng của cái được so sánh trở nên cụ thể hóa, giàu giá trị biểu trưng:

Quê hương là chùm khế ngọt

Cho con trèo hái mỗi ngày

Quê hương là đường đi học

Con về rợp bướm vàng bay

(Đỗ Trung Quân, *Quê hương*)

Phương thức so sánh là một hình thức biểu hiện đơn giản nhất của lời nói hình ảnh. Các nhà ngôn ngữ học từng cho rằng hầu như bất cứ sự biểu đạt nào cũng có thể chuyển thành hình thức so sánh. Nguyễn Thái Hòa khẳng định: “*Giá trị của so sánh tu từ là ở sự liên tưởng, sự phát hiện và gợi cảm xúc thẩm mĩ và là phương tiện quan trọng nhất để xây dựng hình tượng bằng các tín hiệu ngôn ngữ*” [5, tr.197]. Có thể thấy rằng so sánh là một biện pháp rất hiệu quả để miêu tả đối tượng sự vật. Trong văn chương, so sánh là phương thức tạo hình, phương thức gợi cảm, nói đến văn chương là nói đến so sánh. Anatole France từng định nghĩa: “*Hình tượng là gì? Chính là sự so sánh...*” (Dẫn theo Nguyễn Thái Hòa [5, tr.192]).

2.3. Giá trị tạo hình của so sánh tu từ trong thơ

So sánh tu từ được dùng rộng rãi trong thơ. Đây là một biện pháp rất hiệu quả để miêu tả các đối tượng sự vật. Nhờ các hình ảnh dùng để so sánh mà các ý tưởng, các yếu tố trừu tượng được cụ thể hóa và trở nên gợi cảm. Vì vậy so sánh tu từ là một cách thức xây dựng hình ảnh phổ biến và hiệu quả trong ngôn ngữ văn chương. Tùy vào trường hợp, các nhà thơ có những cách tổ chức hình ảnh so sánh khác nhau, khiến cho hình ảnh thơ được hiện lên một cách chân thực, sống động. Đó có thể là sự phá cách chuẩn so sánh thông thường:

Ở đây hoa cũng đẹp như người

(Lý Bạch, *Thanh bình điệu*)

Thời Khai Nguyên, lúc hoa nở đẹp, vua Đường Minh Hoàng cùng Dương Quý Phi ra ngắm hoa, sai nhạc đội ca hát. Vua muốn có lời ca ngợi sắc đẹp của Dương Quý Phi, liền vời Lý Bạch đương say rượu vào đặt cho. Lý Bạch đang say viết liền 3 bài *Thanh Bình điệu*. Vốn dĩ người xưa thường ví: *Người đẹp như hoa, cười tươi như hoa (Miệng cười như thể hoa ngâu/Cái khăn đội đầu như thể hoa sen)* nhưng vì muốn ngợi ca sắc đẹp hiếm có của Dương Quý Phi đồng thời làm đẹp lòng nhà vua, Lý Bạch đã đảo quy chuẩn khiến so sánh trở nên khác thường: *Hoa đẹp nhưng khi lấy người làm chuẩn thì người còn đẹp hơn cả hoa*. Hình tượng thơ vì thế trở nên mới lạ, sắc đẹp của Dương Quý Phi cũng được nâng lên một bậc.

Thơ Tố Hữu cũng có những câu so sánh khác thường:

Đêm qua trăng sáng Cổ Ngự

Trăng đầy mặt nước, trăng như mặt người

(Tố Hữu, *Ba bài thơ trăng*)

Tố Hữu đã lấy thiên nhiên làm cái so sánh, kéo trăng từ một thực thể tự nhiên cách biệt trong vũ trụ xa xăm trở nên gần gũi hơn bởi hình ảnh quen thuộc *mặt người*.

So sánh nhằm đặt những sự vật có tính tương đồng hoặc có những yếu tố tương đồng cạnh nhau nhằm tô đậm và làm phát triển chiều kích cảm quan của nhà thơ. Những sự vật ở cách xa nhau được tác giả so sánh từ đó kích thích tầm suy nghĩ dài rộng cho người đọc, gây ấn tượng mạnh cho người đọc. So sánh với những sự vật ngày càng xa nhau, càng cần những điểm nối hợp lí. Nếu như trong thơ cũ, các nhà thơ được sử dụng những hình ảnh ước lệ, những lối nói quen thuộc thì thơ hiện đại lại có nhiều cách tân trong ngôn ngữ, biện pháp so sánh được vận dụng với nhiều sắc diện mới khiến hình ảnh thơ trở nên lạ hóa, độc đáo. Các nhà thơ hiện đại có ý thức mở rộng trước hết là mối quan hệ ngữ nghĩa giữa hai vế so sánh, từ mối quan hệ giữa cái trừu tượng và cái cụ thể được mở ra thêm nhiều trường ngữ nghĩa rộng hơn. Không chỉ vậy, phong cách nghệ thuật cũng in dấu lên cách họ vận dụng biện pháp tu từ so sánh trong tác phẩm thơ của mình. Như Chế Lan Viên - nhà thơ của suy tưởng, ông là người rất thành công trong việc đặt hai cái trừu tượng bên cạnh nhau, lấy cái trừu tượng so sánh với cái trừu tượng, sự vật vì thế được nhận thức trong chiều sâu suy tưởng. Ví như nỗi nhớ trong thơ ông mang nét rất riêng và rất lạ chính cũng là nhờ cách so sánh độc đáo:

Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét

(Chế Lan Viên, *Tiếng hát con tàu*)

Cái nhớ nôn nao vô hình nay bỗng được mừng tượng thông qua mối liên tưởng: mùa đông - rét. Sự thiếu vắng trong chia cách của lứa đôi cũng như mùa đông thiếu cảm giác rét buốt của thời tiết, chưa có rét thì chưa có cảm giác chuyển mùa, mùa đông cũng chưa được gọi là mùa đông. Một nỗi nhớ được so sánh với một nỗi nhớ khác. Sự sáng tạo mới mẻ trong thơ Chế Lan Viên đã mang lại cho hình ảnh so sánh một dư vị mới qua cái nhìn của một hồn thơ giàu trải nghiệm.

Lưu Quang Vũ - một nhà thơ luôn muốn cảm nhận cuộc sống từ một góc độ rất riêng, xuất phát từ nhiều chiều kích trong cái vô tận của không gian, của thời

gian và của mỗi sự việc thường nhật đã sử dụng cấu trúc so sánh rất nhiều trong thơ của mình. Tuy nhiên, khác với Chế Lan Viên, Lưu Quang Vũ lại đặt cấu trúc so sánh trong mối quan hệ giữa cái cụ thể và cái cụ thể:

Mảnh trăng vàng như một trái xoài thơm

Anh là con ong bay giữa trời lặn đạn

Trời chật chội như chiếc lồng trống rỗng

Hoa hồng rụng trên bàn như máu ứa...

(Lưu Quang Vũ, *Mùa xoài chín*)

Những cặp hình ảnh so sánh rất cụ thể, nhưng cũng chính từ quan hệ so sánh giữa hai đối tượng cụ thể này mà cái cụ thể được nâng lên tầm khái quát nhờ những nét nghĩa của hai đối tượng được bổ sung cho nhau. Sau khi sử dụng biện pháp tu từ so sánh, cái cụ thể trở nên khái quát nhưng lại được nhìn nhận một cách tường tận trong cảm xúc của người cảm thụ.

Hình thức kết cấu của so sánh thường bao gồm 1A - 1B, nhưng trong các tác phẩm của mình nhiều nhà thơ đã tổ chức 1A - (1+n)B:

Chúng ta trở thành những đồ vật chẳng ai dùng

Như chiếc khay đánh rơi, như cái tẩy vệt mòn

Như cái găng cổ xưa, như vết nứt trên tường

Chìm lấp dưới um tùm cây lá

Như lúa gặt chỉ còn tro cuống rạ

Nằm im lìm dưới những đám mây bay

Tan vào trong quên lãng ngàn đời

Như con vờ, như que diêm đã tắt

Như viên sỏi dưới hè, như giọt nắng

Trong bài ca bất tận của cuộc đời.

(Lưu Quang Vũ, *Không đề III*)

Cả đoạn thơ là những liên tưởng so sánh đầy hình ảnh. Lưu Quang Vũ trần trụi, suy tư về chính thể hệ mình đang sống rồi sẽ già cỗi và bị lãng quên. Tác giả đối sánh điều đó với tám hình ảnh so sánh là những thứ nhỏ bé, đã nhỏ bé lại không còn khả năng sử dụng: chiếc khay đánh rơi, cái tẩy vệt mòn, que diêm đã tắt, viên sỏi dưới hè... ai sẽ để tâm, ai sẽ lưu giữ? Điềm đến chung nhất của những đồ vật nhỏ bé vô tác dụng kia có chăng chỉ là một hố rác nào đó ven đường, nơi người ta đi ngang cũng ngoảnh mặt làm ngơ hoặc đến chỉ để vứt thêm vài thứ bỏ đi nào đó. Nhiều hình ảnh so sánh

liên hoàn trùng điệp giàu tính suy tưởng giúp tác giả bộc lộ niềm ý của mình một cách tinh tế. Mô hình so sánh $1A - (1+n)B$ dường như là sự giải bày, giúp tác giả bộc lộ đầy đủ nhất những cảm xúc của mình. Những điều vô hình, khó diễn tả thông qua mô hình so sánh này trở nên rõ ràng hơn, mang một biểu hiện tượng hình khá rõ nét:

*Nhưng lúc này anh ở bên em
Niềm vui sướng trong ta là có thật
Như chiếc áo trên tường như trang sách
Như chùm hoa nở cánh trước hiên nhà
Em hiểu rằng mỗi lúc đi xa
Tình anh đối với em là xứ sở
Là bóng rợp trên con đường nắng lửa
Trái cây thơm giữa miền đất khô cằn*
(Xuân Quỳnh, *Nói cùng anh*)

Thủ pháp so sánh trùng điệp còn làm tăng nhịp điệu và tạo nên sự chất chùng của các hình ảnh thơ, bồi đắp những cảm xúc mà tác giả giải bày:

*Con sông giống cuộc đời anh
Anh là cậu bé nhạt than
Là ông già buồng câu im lặng
Là quả dưa tròn trên khoang vắng
Là lá sù vàng trôi ở cửa sông*
(Lưu Quang Vũ, *Viết cho em từ biển*)

Kiểu so sánh nhiều tầng bậc này không chỉ tạo âm hưởng trùng điệp mà còn mở rộng những hình ảnh liên tưởng được so sánh. Cảm xúc vốn dĩ mơ hồ nên thật khó để có một hình ảnh nào cụ thể gợi được, công cuộc tìm kiếm hình ảnh của nhà thơ vì thế mà cam go hơn, biểu thức so sánh vì thế cũng trở nên đặc sắc hơn.

Có những hình ảnh so sánh mới lạ, những hình ảnh vốn rất khác xa nhau, nhưng khi được đặt cạnh nhau bỗng tạo nên mối liên tưởng lạ kì và đầy hấp dẫn: *Mặt buồn - sỏi dưới hang sâu, Lòng - vàng trắng nhọn, Em (nông nổi) - một dòng suối chảy...*

Tư duy bằng hình tượng thông qua so sánh cũng là một cách để nhà thơ nâng cao vai trò của công chúng văn học, tìm kiếm sự đồng điệu mà chỉ có những kẻ tri kỉ trong nhân gian mới trao được cho nhau:

Thời gian như bà điên ngoài chợ Sắt

Tóc trắng ôm hoa te tái mỉm cười

(Lưu Quang Vũ, *Nửa đêm tới thành phố lạ gặp mưa*)

Thời gian chiến tranh đầy tang thương và chết chóc được tác giả so sánh với hình ảnh đầy lụi tàn, ngây dại, trở trêu, tuy cụ thể nhưng đầy ám ảnh và gợi tả.

Nhiều khi sự liên tưởng trong so sánh quá xa, nét tương đồng mờ nhạt, nhà thơ lại phải bắc thêm nhịp cầu để hợp lí hoá sự liên tưởng của mình:

*Ngọn gió nam non lật khóm trầu
Chập chờn như mở thếp ca dao
Lá thương lá cảm còn ngưng đọng
Tiếng mẹ hò trăng tự thuở nào*

(Yến Lan, *Trước giàn trầu*)

Nếu câu một đề cạnh câu bốn thì không có sự liên quan gì giữa *ngọn gió lật khóm trầu* với *tiếng mẹ hò trăng cả*. Tác giả phải làm một "trạm trung chuyển", *lật khóm trầu* như *mở thếp ca dao*, từ đó liên tưởng hợp lí đến *tiếng hò trăng của mẹ* liệu có còn ngưng đọng trên *tâm lá - trầu - ca - dao* nào đó không?

3. Kết luận

Như vậy, từ hướng tiếp cận giá trị tạo hình của hình tượng ngôn ngữ thơ trong mối liên hệ với nghệ thuật tạo hình của hội họa, bài viết đã bước đầu chỉ ra khả năng tạo hình của biện pháp tu từ so sánh. Điều đặc biệt là phương thức so sánh trong thơ không chỉ đơn thuần tạo nên giá trị hình ảnh mà còn có khả năng gợi nên những liên tưởng tư duy đa chiều và sâu lắng mà những hình thức nghệ thuật tạo hình khác không thể làm được. So sánh tu từ giúp mở rộng các trường liên tưởng, làm phong phú thế giới hình ảnh trong thơ. Qua việc tiếp cận các hình tượng so sánh độc đáo, người đọc không chỉ tiếp cận nội dung tác phẩm mà còn được gợi tả nhiều sắc thái cảm xúc thâm mỹ ý nhị và đầy dư ba.

Tài liệu tham khảo

- [1] Wallace L. Chefe (1998) (Nguyễn Văn Lai dịch). *Ý nghĩa và cấu trúc của ngôn ngữ*. NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [2] Hà Minh Đức (chủ biên) (1996). *Lí luận văn học*. NXB Giáo dục.
- [3] Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (chủ biên) (1999). *Từ điển thuật ngữ văn học*. NXB ĐHQG Hà Nội.

- [4] Heghen (1930). *Tác phẩm tập 1*. NXB Giáo dục.
- [5] Nguyễn Thái Hòa (2006). *Từ điển tu từ, phong cách, thi pháp học*. NXB Giáo dục.
- [6] Lê Lưu Oanh (2006). *Văn học và các loại hình nghệ thuật*. NXB Đại học Sư phạm, H.
- [7] Trần Đình Sử (2008). *Lí luận và phê bình văn học, tập 2*. NXB Đại học Sư phạm.

VISUAL VALUES IN POETRY LANGUAGE AND IN RHETORICAL COMPARISON

Abstract: The language of poetry is rich in value of visualization, which has long been affirmed in literary style, literary theory, and especially "the value of visualization" that many poetical critics mention during the review process. This article analyzes shaping values in poetic language in general and in the way of comparative rhetoric in particular from a similar perspective with visual art. Through explaining the mechanism of formation and the impact of rhetorical comparison, this article contributes to clarifying the visual value of poetry in the perspective of linguistics.

Key words: the language of poetry; value of visualization; association; visual art; comparative rhetoric.